

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-PT

Ngày: 19-01-2021

V/v tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình, kiến trúc trên đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện;

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình, kiến trúc trên đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 452/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Công L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: tổ 15, ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Võ Tuấn Vĩnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020) (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 15, ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1970;

2. Chị Mai Thị Cẩm T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang
Đại diện theo ủy quyền Bà H, chị T và anh Q: Ông Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 508, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Mai Nhật Q, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền là ông Mai Công B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Mai Công L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Thị H, chị Mai Thị Cẩm T, anh Mai Nhật Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Mai Công L trình bày:

Hộ gia đình ông có phần đất 771,9m² thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ 37, tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Liền kề với thửa đất của ông là đất của ông Lê Văn C. Năm 2014 do là chỗ anh em bà con cô cậu nên ông C hỏi xin che mái che lán sang phần đất của ông ngang khoảng 2,5m, dài 13m nhằm mục đích tránh mưa và ông C hứa là tự nguyện hỗ trợ gia đình ông 10.000.000đồng để con ông mua xe, khi nào ông có nhu cầu thì thông báo ông C tự tháo dỡ. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông C tháo dỡ mái che trả lại đất nhưng ông C không đồng ý. Ông yêu cầu xác định phần đất tranh chấp khoảng 32,5m² thuộc thửa đất 276, diện tích 771,9m², tờ bản đồ 37, tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Buộc ông Lê Văn C tháo dỡ mái che vật kiến trúc trả lại phần đất tranh chấp cho ông.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2020 ông Mai Công L trình bày: Khoảng năm 2014 ông C tự ý xây hàng rào, đổ máng xối, đổ cột và làm đường đi trên phần đất của ông, lúc đó ông có ngăn cản nhưng chỉ nói miệng và không báo chính quyền địa phương. Từ khoảng năm 2014-2015 mẹ ông bị bệnh và gia đình ông gặp khó khăn nên ông C cho mượn nhiều lần tiền là 10.000.000đồng, năm 2018 ông đem trả ông C 10.000.000đồng thì ông C nói sẽ tháo dỡ công trình trả đất cho ông nhưng ông B nói mưa tạt tội nghiệp ông C nên ông C đề nghị nếu ông tặng cho phần đất tranh chấp thì ông C cho lại con ông 10.000.000đồng. Ông có làm giấy tay tặng cho đất cho ông C có 02 anh ông chứng kiến. Sau khi 03 anh em ông ký tên xong thì ông C không cho con ông tiền mua xe mà hứa hẹn nhiều lần. Khi viết tờ tặng cho đất vợ con ông cũng biết nhưng quyền quyết định là của ông. Ông C đã xây hàng rào đi vào đất ông C, đổ bê tông làm đường đi, làm máng xối, xây 01 cây cột sau nhà. Ông yêu cầu ông C tháo dỡ các công

trình trên đất ông gồm: mái che, hàng rào trả lại phần đất lấn chiếm. Đối với cây cột và máng xối ông yêu cầu ông C trả lại giá trị phần diện tích đã xây cột và làm máng xối, diện tích theo biên bản đo đạc, giá theo giá do Hội đồng định giá định. Đối yêu cầu phản tố của ông C ông không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L yêu cầu ông C tháo dỡ mái che, hàng rào và lối đi bằng xi măng trả lại phần đất cho ông diện tích đất 26m² tính từ mí nhà ông C. Ông không đồng ý yêu cầu phản tố của ông C.

Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ngày 10/12/2014 được sự thống nhất trong gia đình bà Lê Thị Đ, ông Mai Công L và vợ Phan Thị H đồng ý bán cho ông phần đất ngang 02m, dài 12m trong thửa đất 276 để ông xây dựng nhà và thống nhất cho làm mái che bằng tole, ông có trả ông L, bà H 10.000.000đồng, ông đã xây dựng nhà kiên cố có làm mái che. Trong quá trình mua bán ông và ông L có lập giấy tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018. Ngày 10/12/2018 ông L mang trả ông 10.000.000đồng thì ông có hỏi nguyên nhân ông L nói muốn giữ lời hứa của bà Đ trước đây nên ông nhận lại 10.000.000đồng. Sau này xảy ra xích mích nên ông L yêu cầu tháo dỡ mái che. Ông không đồng ý yêu cầu ông L, ông tự nguyện đưa lại ông L 10.000.000 đồng trước đây.

Tại đơn phản tố ngày 03/02/2020 ông C tự nguyện trả 15.000.000đồng cho ông Mai Công L. Yêu cầu hộ ông L thực hiện đúng theo giấy tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018, ông được chuyển quyền sang tên phần đất ngang 02m, dài 12m trong thửa đất 276, diện tích 771,9m². Nếu đo đạc, định giá diện tích bao nhiêu ông đồng ý nhận bấy nhiêu.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2020 ông C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ông L bà Lê Thị Đ hứa cho ông. Khi đó ông có nói với bà Đ nêu ông làm các công trình hàng rào, mái che, cột, máng xối. thì ông đưa cho ông L, bà H 10.000.000 đồng. Sau khi bà Đ mất thì ông L, ông Lý, ông B đem 10.000.000 đồng trả lại cho ông. Việc ông xây dựng các công trình có sự đồng ý của gia đình ông L và gia đình ông L có qua phụ ông. Ngày 10/12/2018 ông L cũng làm tờ tặng cho đất cho ông. Ngày 13/12/2018 ông L đến nhà ông đề nghị ông cho con ông L 10.000.000đồng mua xe, ông cũng đồng ý nhưng yêu cầu vợ và con ông L cùng ký tên vào giấy tặng cho đất ngày 10/12/2018 nhưng ông L không đồng ý. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện ông L. Yêu cầu ông L tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho đất và ông sẽ hoàn trả giá trị đất theo giá hội đồng định giá đã định.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng xây cất. Yêu cầu được thực hiện hợp đồng tặng

cho đất giữa ông với ông L, ông được thực hiện thủ tục chuyển quyền sang tên phần đất ông L tặng cho qua đo đạc thực tế là 26m², ông đồng ý trả cho ông L 15.000.000 đồng giá trị đất nếu giá hội đồng chưa đến 15.000.000 đồng và sẽ trả theo giá của Hội đồng định giá nếu giá đất được định giá trên 15.000.000 đồng.

Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, anh Mai Nhật Q là ông Mai Công B trình bày:

Thời điểm ông C xây nhà, làm mái che, hàng rào do mẹ ông L bệnh nặng bà H phải lo chăm sóc, khi thấy ông C xây dựng lấn chiếm bà cũng có nói với ông L, đối với anh Q lúc đó đi học không có ở nhà. Ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên chi Mai Thị Cẩm T trình bày:

Chị không thừa nhận việc bà nội chị hứa cho đất ông C vì thời điểm năm 2014 bà nội chị bị tai biến nặng, không còn ý thức nữa. Khi ông C xây nhà, làm hàng rào, lối đi trên đất gia đình chị, chị không để ý do đi học. Nay chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của cha chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Các Điều 39; 147; 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 164, 166, 129, 459, 462, 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 95, 97, 166, 203 Luật Đất đai 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công L yêu cầu ông Lê Văn C tháo dỡ mái che, hàng rào trả lại gia đình ông 26m² đất thuộc thửa đất 276, diện tích 771,9m², tờ bản đồ 37, tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C.

2.1 Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Công L và ông Lê Văn C theo tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 26m² thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ 37, diện tích 771,9m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GNC: CS06281 cấp ngày 19/7/2018 cho hộ ông Mai Công L là có hiệu lực pháp luật. Có sơ đồ đo đạc thửa đất (photo) kèm theo.

Ông Lê Văn C được quyền đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

2.2 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn C trả cho hộ ông Mai Công L giá trị đất là 15.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/7/2020, nguyên đơn ông Mai Công L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, chị Mai Thị Cẩm T, anh Mai Nhật Q có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện ủy quyền của ông Mai Công L, bà Phan Thị H, chị Mai Thị Cẩm T là ông Võ Tuấn Vĩnh T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của anh Mai Nhật Q là ông Mai Công B có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ vì các đương sự đều trình bày thống nhất việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Công L và Lê Văn C phát sinh từ năm 2014, đến năm 2018 giữa ông L và ông C có làm giấy tặng cho đất đề ngày 10/12/2018. Ông L đã giao đất cho ông C sử dụng 26m² để ông C làm mái che và lối đi, phía ông C có hứa cho con ông L 10.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện. Xét hợp đồng tặng cho đất giữa ông L và ông C không tuân thủ đúng về hình thức, về nghĩa vụ thực hiện giao tiền ông C cũng chưa thực hiện đối với ông L nên hợp đồng tặng cho giữa các bên không phát sinh quyền và nghĩa vụ, ông L yêu cầu tháo dỡ các công trình kiến trúc trên đất là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Mai Công L, bà Phan Thị H, chị Mai Thị Cẩm T, anh Mai Nhật Q thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Đòi quyền sử dụng đất; Yêu cầu tháo dỡ công trình, kiến trúc trên đất; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” theo qui định tại Điều 166, Điều 459 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng qui định.

[2] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Ông Mai Công L được quyền sử dụng thửa đất số 276 diện tích 771,9m² tờ bản đồ 37 tại ấp 1, xã A, huyện C, Tiền Giang. Liên kế thửa đất 276 là phần đất thửa số 272 thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn C. Năm 2014 ông C có hỏi xin ông Mai Công L làm mái che lán sang đất của ông L ngang 2,5m, dài 13m. Mục đích để nước mưa không tạt vào nhà của ông C, hai bên thỏa thuận cho ông C che tạm khi nào ông L có nhu cầu sử dụng, yêu cầu tháo dỡ trả đất thì ông C phải tháo dỡ trả đất nhưng khi ông L có yêu cầu thì ông C không tháo dỡ mái che trả đất mà còn làm hàng rào, làm lối đi cặp hông nhà trên phần đất của ông L. Phía ông C thì cho rằng ông sử dụng diện tích 26m² trên thửa 276 thuộc quyền sử dụng của ông L là do ông nhận chuyển nhượng của ông L. Chứng cứ chứng minh của ông là giấy tặng cho đất ngày 10/12/2018. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Công L và ông Lê Văn C theo tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018 là đúng pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của ông Mai Công L, bà Phan Thị H, chị Mai Thị Cẩm T, anh Mai Nhật Q, xét:

Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Công L và ông Lê Văn C theo giấy tặng cho đất ngày 10/12/2018 có chữ ký của ông Mai Công L thể hiện nội dung đồng ý cho ông Lê Văn C phần đất ngang 2m, dài 12m tại tổ 15, ấp 1, xã A, huyện C. Xét tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018 tuy không tuân thủ các qui định về hình thức của hợp đồng, chưa được các thành viên trong hộ ông L ký tên. Phía ông L thừa nhận có ký hợp đồng tặng cho đất cho ông C, ngược lại ông C có hứa cho con ông số tiền 10.000.000 đồng

để mua xe, nhưng sau đó ông C không thực hiện. Còn ông C thì cho rằng có hứa cho con ông L 10.000.000 đồng để mua xe với điều kiện vợ con ông L phải ký tên vào giấy tặng cho đất nhưng ông L không đồng ý nên ông chưa đưa tiền.

Căn cứ lời trình bày các bên đương sự có cơ sở xác định việc tặng cho quyền sử dụng giữa ông L và ông C thực tế có phát sinh, ông L đã giao đất cho ông C sử dụng. Năm 2014 ông C đã giao số tiền 10.000.000 đồng cho ông L nhưng sau đó ông L đem trả lại. Phía ông L cho rằng số tiền ông trả lại cho ông C là tiền mượn trước đây nhưng ông C không thừa nhận số tiền 10.000.000 đồng mà ông L trả là tiền mượn mà là tiền ông trả để mua phần đất của ông L để làm mái che mà ông L lại không có chứng cứ chứng minh là tiền mượn. Do đó, xác định ông C có giao trả số tiền 10.000.000 đồng cho ông L.

Xét thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông L và ông C vi phạm về hình thức, nhưng xét ông C đã sử dụng đất từ 2014 đến nay. Căn cứ biên bản thẩm định ngày 14/02/2020 thể hiện phần móng xối bê tông nhà của ông C lấn sang đất ông L 0,4m nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà. Đồng thời, khi ông C xây dựng làm các công trình như mái che, làm hàng rào, lối đi phía gia đình ông L không phản đối, ngăn cản, xem như mặc nhiên thừa nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Công L và ông Lê Văn C theo tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 164, 166, 129, 459, 462, 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 95, 97, 166, 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Công L. Giữ y bản án sơ thẩm số 71/2020/DSST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công L yêu cầu ông Lê Văn C tháo dỡ mái che, hàng rào trả lại gia đình ông 26m² đất thuộc thửa đất 276, diện tích 771,9m², tờ bản đồ 37, tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C.

2.1 Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Công L và ông Lê Văn C theo tờ tặng cho đất ngày 10/12/2018 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 26m² thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ 37, diện tích 771,9m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GNC: CS06281 cấp ngày 19/7/2018 cho hộ ông Mai Công L là có hiệu lực pháp luật. Có sơ đồ đo đạc thửa đất (photo) kèm theo.

Ông Lê Văn C được quyền đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

2.2 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn C trả cho hộ ông Mai Công L giá trị đất là 15.000.000đồng.

3. Về án phí: Ông Mai Công L phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002755 ngày 09/12/2019; 0003794 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên phải còn nộp tiếp 300.000 đồng.

Bà Phan Thị H, Mai Thị Cẩm T, Mai Nhật Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003793; 0003792; 0003795 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như nộp xong án phí.

Ông Lê Văn C phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002941 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 450.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng còn phải

chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 9 giờ ngày 19/01/2021 có mặt ông C và Đại diện Viện kiểm sát./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Huyện Trần Thị Kim Em

Nguyễn Thị Diệp Thúy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy